

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÙ LAO DUNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HSST.

Ngày: 17 – 5 - 2018.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Mỹ Xuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Dương Hồng Hải.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Tuấn Hào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/TLST-HS, ngày 26 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

- **Họ và tên:** Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1987 tại huyện Cù Lao Dung; Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh S; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (Sống) và bà Trần Thị B (Sống); có vợ và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 12 năm 2017 đến ngày 26 tháng 12 năm 2017 chuyển sang tạm giam cho đến nay “Có mặt”.

- **Bị hại:** Nguyễn Trường S, sinh năm 1956; Cư trú tại: Ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh S “Có mặt”.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Trần Thị B, sinh năm: 1960; Cư trú tại: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh S “Có mặt”.

- **Người tham gia tố tụng khác:**

***Người làm chứng:***

+ Nguyễn Văn D, sinh năm: 1960; Cư trú tại: Ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh S “Vắng mặt”.

+ Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1967; Cư trú tại: Ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh S “Vắng mặt”.

+ Trần Thị Nh, sinh năm: 1971; Cư trú tại: Ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh S “Vắng mặt”.

+ Võ Hoàng Kh, sinh năm: 1956; Cư trú tại: Ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh S “Vắng mặt”.

+ Trương Văn S, sinh năm: 1967; Cư trú tại: Ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh S “Vắng mặt”.

+ Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1972; Cư trú tại: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh S “Có mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 03 tháng 3 năm 2016, Nguyễn Văn Đ gọi điện thoại cho ông Nguyễn Trường S ở V, xã Đ, huyện C, tỉnh S là người hành nghề mua mía nguyên liệu để bán mía. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Đ dẫn ông S đi xem mía (Mía của chị Nguyễn Thị Y là chị ruột của Đ). Sau khi xem mía xong ông Nguyễn Trường S đồng ý mua mía của Đ với giá là 800đồng/kg, nhưng Đ không đồng ý bán, nên cả hai đi về.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Đ tiếp tục gọi điện thoại cho ông Nguyễn Trường S nói đồng ý bán mía cho ông S và hẹn gặp ông S tại quán nước của anh Nguyễn Thanh L tại bến phà Đại Ân 1 thuộc ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh S. Khi đi đến quán của anh L, Đ kêu ông S đưa tiền cọc bán mía số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), nhưng ông S không đồng ý, nên Đ kêu ông S đưa cho Đ số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), nhưng ông S chỉ đồng ý đưa tiền cọc cho Đ số tiền là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) thì Đ đồng ý nhận tiền cọc bán mía do ông S giao. Sau khi Đ nhận được tiền của S thì Đ bỏ trốn lên Sài Gòn.

Sau đó, ông S biết được Đ bán mía cho ông không phải thuộc quyền sở hữu của Đ mà thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Y, nên ông S trình báo nội dung sự việc đến chính quyền địa phương.

Sau khi biết việc Đ lừa đảo ông S thì bà Trần Thị B là mẹ ruột của Nguyễn Văn Đ đã hoàn trả lại số tiền là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) cho ông Nguyễn Trường S.

Trên cơ sở kết quả điều tra và những tài liệu, chứng cứ thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Cù Lao Dung khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Vật chứng trong vụ án: Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Cù Lao Dung không thu hồi được vật chứng.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT.VKS.CLD, ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng để xét xử đối với Nguyễn Văn Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cáo trạng số: 04/CT.VKS.CLD, ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo là người không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Về trách nhiệm dân sự do bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Đ bồi thường gì, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về xử lý vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Cù Lao Dung không thu hồi được vật chứng, nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị hại Nguyễn Trương S:

+ Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Trương S không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường gì.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị B:

+ Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đ không có tác động bà B hoàn trả lại tiền cho ông S, nhưng do Đ là con trai của bà B, nên bà B đã tự nguyện hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng cho ông S, bà B không yêu cầu bị cáo Đ hoàn trả lại số tiền 4.000.000 đồng cho bà B.

- Ý kiến của bị cáo Đ: Về số tiền bà B hoàn trả cho bị hại S là do bà B tự nguyện hoàn trả, Đ không có tác động bà B trả tiền cho ông S. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đã truy tố, bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình đã gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với những người làm chứng Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh L, Trần Thị Nh, Võ Hoàng Kh, Trương Văn S vắng mặt tại phiên tòa. Do trước đó những người làm chứng Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh L, Trần Thị Nh, Võ Hoàng Kh, Trương Văn S đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh L, Trần Thị Nh, Võ Hoàng Kh và Trương Văn S.

[3] Tại phiên Tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là vào khoảng 08 giờ ngày 03 tháng 3 năm 2016, Nguyễn Văn Đ gọi điện thoại cho ông Nguyễn Trường S ở V, xã Đ, huyện C, tỉnh S là người hành nghề mua mía nguyên liệu để bán mía. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Đ dẫn ông S đi xem mía (Mía của chị Nguyễn Thị Y là chị ruột của Đ). Sau khi xem mía xong ông Nguyễn Trường S đồng ý mua mía của Đ với giá là 800đồng/kg, nhưng Đ không đồng ý bán, nên cả hai đi về.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Đ tiếp tục gọi điện thoại cho ông Nguyễn Trường S nói đồng ý bán mía cho ông S và hẹn gặp ông S tại quán nước của anh Nguyễn Thanh L tại bến phà Đại Ân 1 thuộc ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh S. Khi đi đến quán của anh L, Đ kêu ông S đưa tiền cọc bán mía số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), nhưng ông S không đồng ý, nên Đ kêu ông S đưa cho Đ số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), nhưng ông S chỉ đồng ý đưa tiền cọc cho Đ số tiền là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) thì Đ đồng ý nhận tiền cọc bán mía do ông S giao. Sau khi Đ nhận được tiền của S thì Đ bỏ trốn lên Sài Gòn.

[4] Đối với lời khai nhận tội và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Đ, xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thể hiện là người bình thường đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo là người trên 18 tuổi, bị cáo nhận thức được hành vi đã gây ra, bản thân bị cáo nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để lừa dối bị hại, để bị hại tin tưởng giao tài sản (Tiền mua mía) là số tiền 4.000.000 đồng là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của

bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân nói chung, của bị hại Nguyễn Trường S nói riêng được pháp luật bảo vệ và xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Vì vậy, cáo trạng số 04/CT.VKS.CLD, ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, để có tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đ thấy rằng, trước khi lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, căn cứ vào điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng là đúng pháp luật.

[6] Đối với ý kiến của bị hại Nguyễn Trường S:

+ Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ, đề nghị này Hội đồng xét xử sẽ xem xét.

+ Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bị cáo Đ hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị B:

+ Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ, đề nghị này Hội đồng xét xử sẽ xem xét.

+ Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo Đ hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Cù Lao Dung không thu hồi được vật chứng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ là người bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (*Chín*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 12 năm 2017.

- Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại Nguyễn Trường S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị B không có yêu cầu gì đối với bị cáo Đ, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung;
- Cơ quan THAHS huyện Cù Lao Dung;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Mỹ Xuyên**